

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LỊCH

Chương: 622

DỰ TOÀN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-NVL ngày 31/12/2024 của Trường TH Nguyễn Văn Lịch)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số	TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
	Lệ phí		0
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí ...		
	Phí ...		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
I	Chi sử dụng giáo dục		0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		
I	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí ...		
	Phí ...		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		12.341.920.000
I	Nguồn ngân sách trong nước		12.341.920.000
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Chi sử dụng khoa học và công nghệ		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.341.920.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.377.118.000
	- Chi từ ngân sách huyện, trong đó:	6.377.118.000
	+ 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-
	+ Kinh phí đảm bảo thường xuyên	4.527.371.000
	+ Kinh phí cân đối chi TX từ 1,490tr lên 2,340tr	1.849.747.000
	- Chi cân đối từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.964.802.000
	- Chi từ ngân sách huyện	5.549.028.000
	- Chi cân đối nguồn CCTL ngân sách huyện, trong đó:	5.549.028.000
	+ Kinh phí thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	5.048.200.000
	+ Kinh phí chênh lệch lương 1.490.000đ lên 2.340.000đ (TNNG)	183.951.000
	+ Kinh phí quỹ tiền thường theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	316.877.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	

7	Chỉ số nghiệp bảo vệ môi trường	
6.2	Dự án B	
6.1	Dự án A	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
2.2	Dự án B	
5.1	Dự án A	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
4.2	Dự án B	
4.1	Dự án A	
4	Chỉ số nghiệp y tế, dân số và gia đình	
3.2	Dự án B	
3.1	Dự án A	
3	Chỉ số nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.2	Dự án B	
2.1	Dự án A	
2	Chỉ số nghiệp khoa học và công nghệ	
1.2	Dự án B	
1.1	Dự án A	
1	Chỉ quản lý hành chính	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
10.2	Dự án B	
10.1	Dự án A	
10	Chỉ số nghiệp thể dục thể thao	
9.2	Dự án B	
9.1	Dự án A	
9	Chỉ số nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
8.2	Dự án B	
8.1	Dự án A	
8	Chỉ số nghiệp văn hóa thông tin	
7.2	Dự án B	
7.1	Dự án A	
7	Chỉ số nghiệp bảo vệ môi trường	
6.2	Dự án B	
6.1	Dự án A	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
2.2	Dự án B	
5.1	Dự án A	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
4.2	Dự án B	
4.1	Dự án A	
4	Chỉ số nghiệp y tế, dân số và gia đình	
3.2	Dự án B	
3.1	Dự án A	
3	Chỉ số nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Theo Quyết định số 12913/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Củ Chi

Kế toán



Nguyễn Thị Quỳnh Nga



Thủ trưởng đơn vị



Vương Thoại Trần

